

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:54/2018/HS-ST
Ngày 29-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Bà Bùi Thúy Mỡ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 05 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Vân A, sinh năm 1994 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Th, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Bá M, sinh năm 1970 (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1973; có chồng Nguyễn Đức A, có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ N; địa chỉ: 118 Đường B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thúy L - Chức vụ: Phó giám đốc (Giấy ủy quyền ngày 28/6/2017); có mặt.

- Người làm chứng: Anh Bùi Đức V, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị Vân A là nhân viên bán hàng của công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải Thủy bộ N từ ngày 20/10/2015, (sau đây gọi tắt là công ty N), địa chỉ tại thị trấn N, huyện T. Vân A được công ty N giao nhiệm vụ quản lý quầy vàng ta để mua bán, đổi các với khách hàng. Trong thời gian làm việc tại Công ty từ tháng 2/2017 đến tháng 6/2017, lợi dụng lòng tin của công ty N, Vân A đã lập các hóa đơn không nâng giá vàng ta mua vào, giữ nguyên giá vàng ta bán ra để chiếm đoạt tiền của công ty (trong mỗi hóa đơn có tính toán tiền công chế tác của món đồ khách mua và tiền chiết khấu cho khách). Cụ thể như sau:

Ngày 14/02/2017, có khách đến bán 1,336 chỉ vàng ta cũ và mua 1,916 chỉ vàng ta mới. Theo quy định của công ty, sau khi khách chọn vàng xong, nhân viên bán hàng sẽ tính toán số tiền khách phải trả thêm hoặc công ty phải trả lại cho khách theo giá niêm yết mua vào, bán ra vàng ta của công ty rồi in hóa đơn cho khách để khách mang đến quầy thu ngân thanh toán. Nhưng Vân A làm trái quy định trên, trực tiếp giao dịch mua bán vàng và thanh toán tiền với khách. Giá vàng ta niêm yết ngày hôm đó là mua vào 3.330.000 đồng/chỉ, bán ra là 3.380.000 đồng/chỉ. Vân A đã nhận của khách 1,336 chỉ vàng ta và số tiền 2.460.000 đồng rồi đưa lại cho khách 1,916 chỉ vàng ta. Sau khi khách về, Vân A sử dụng hệ thống máy tính lập hóa đơn không HDT113176/K24 điều chỉnh nâng giá vàng ta mua vào lên 3.900.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra là 3.380.000 đồng/chỉ. Do việc Vân A lập hóa đơn không nâng giá vàng ta mua vào nên số tiền Vân A phải nộp lại công ty chỉ còn 1.700.000 đồng. Lợi dụng lúc quầy thu ngân đông khách, Vân A mang hóa đơn trên đến đưa cho anh Bùi Đức V, sinh năm 1989, ở thị trấn Minh Đức, huyện T, là nhân viên thu ngân của công ty để thanh toán. Vân A giao cho anh V 1,336 chỉ vàng ta và 1.700.000 đồng, số tiền 760.000 đồng chênh lệch do việc nâng giá vàng mua vào Vân A giữ lại sử dụng riêng.

Cũng với thủ đoạn như trên, ngày 08/3/2017, khi có khách đến mua bán vàng ta, Vân A đã lập các hóa đơn không nâng giá vàng ta mua vào từ 3.310.000 đồng/chỉ lên 4.360.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra 3.360.000 đồng/chỉ. Hóa đơn thứ nhất số HDT 115934/K24 khi khách bán 0,5 chỉ vàng ta cũ và mua 01 chỉ vàng ta mới, thông qua việc lập hóa đơn nâng giá vàng ta mua vào, Vân A chiếm đoạt số tiền chênh lệch là 520.000 đồng. Hóa đơn thứ hai số HDT 115941/K24 khi có khách bán 01 chỉ vàng ta cũ và mua 02 chỉ vàng ta mới, Vân A chiếm đoạt số tiền là 1.220.000 đồng

Ngày 15/3/2017, khi khách bán 0,5 chỉ vàng ta cũ và mua 01 chỉ vàng ta mới, Vân A đã lập hóa đơn không HDT 116896/K24 nâng giá vàng ta mua vào từ 3.280.000 đồng/chỉ lên 4.330.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra, chiếm đoạt số tiền chênh lệch là 530.000 đồng.

Ngày 05/5/2017, khi có khách bán 10 chỉ vàng ta cũ và mua 08 chỉ vàng ta mới, Vân A đã lập hóa đơn không HDT 122629/K24 nâng giá vàng ta mua vào từ 3.330.000 đồng/chỉ lên 3.800.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra là 3.380.000 đồng/chỉ. Vân A đã chiếm đoạt của công ty số tiền 4.340.000 đồng.

Ngày 15/5/2017, khi có khách bán 9,5 chỉ vàng ta cũ và mua 12 chỉ vàng ta mới, Vân A đã lập hóa đơn không HDT 123889/K24 nâng giá vàng ta mua vào từ 3.330.000 đồng/chỉ lên 3.800.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra là 3.380.000 đồng/chỉ. Vân A đã chiếm đoạt số tiền chênh lệch là 4.470.000 đồng.

Ngày 25/5/2017, khi không có khách mua bán vàng, Vân A lấy 10 chỉ vàng ta tại quầy vàng do Vân A quản lý và lập hóa đơn không HDT 124967/K24, giả làm khách bán 10 chỉ vàng ta cũ, mua 08 chỉ vàng ta mới. Vân A đã nâng giá vàng ta mua vào từ 3.370.000 đồng/chỉ lên 3.800.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra là 3.420.000 đồng/chỉ. Lợi dụng lúc quầy thu ngân đông khách, Vân A mang hóa đơn đến quầy thu ngân đưa cho anh V, anh V nhận 10 chỉ vàng ta và đưa lại cho Vân A số tiền 10.300.000 đồng. Vân A nhận tiền và quay lại quầy vàng ta do mình quản lý lấy 08 chỉ vàng. Đến ngày 31/5/2017, Vân A dùng 08 chỉ vàng ta có được ngày 25/5/2017 và lập hóa đơn không HDT 125562/K24, giả có khách bán 08 chỉ vàng ta cũ và mua 10 chỉ vàng ta mới. Vân A nâng giá vàng ta mua vào từ 3.380.000 đồng/chỉ lên 4.270.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra là 3.430.000 đồng/chỉ. Sau đó, Vân A in hóa đơn mang đến thanh toán cho anh V. Vân A lấy 08 chỉ vàng, 340.000 đồng từ 10.300.000 đồng giao cho anh V. Tổng số tiền Vân A đã chiếm đoạt của công ty N trong 02 lần giao dịch này là 9.960.000 đồng.

Ngày 18/6/2017, Vân A mang 07 chỉ vàng ta từ nhà đi đến bán cho công ty và mua 06 chỉ vàng ta. Vân A lập không hóa đơn HDT127240/K24 nâng giá vàng ta mua vào từ 3.390.000 đồng/chỉ lên 4.440.000 đồng/chỉ, giữ nguyên giá vàng ta bán ra là 3.440.000 đồng/chỉ. Theo giá niêm yết thì công ty phải trả cho Vân A số tiền là 2.780.000 đồng, nhưng do nâng giá vàng ta mua vào lên nên công ty phải trả cho Vân A số tiền là 10.130.000 đồng. Vân A in hóa đơn mang đến thanh toán cho anh V, anh V nhận 07 chỉ vàng ta và đưa lại cho Vân A 10.130.000 đồng. Vân A nhận tiền và quay lại quầy vàng ta do mình quản lý lấy 06 chỉ vàng ta. Vân A đã chiếm đoạt số tiền 7.350.000 đồng.

Qua theo dõi và kiểm tra hóa đơn, sổ bán hàng, công ty N đã phát hiện Vân A lập các hóa đơn không, nâng giá vàng ta mua vào để chiếm đoạt tiền của công ty

nên đã làm đơn tố cáo Hoàng Thị Vân A gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng. Quá trình xác minh tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã thu giữ: 02 USB có ghi hình Vân A làm hóa đơn sai chiếm đoạt tiền của công ty; 01 tập giấy ghi sổ bán hàng của công ty N gồm 26 trang bên trong có chữ ký của Vân A; Bản kê hóa đơn bán hàng ghi các ngày 14/02/2017, 06/3/2017, 08/3/2017, 15/3/2017, 05/5/2017, 15/5/2017, 25/5/2017, 31/5/2017, 18/6/2017; Phiếu thanh toán (Hóa đơn) ghi các ngày 14/02/2017, 06/3/2017, 08/3/2017, 15/3/2017, 05/5/2017, 15/5/2017, 25/5/2017, 31/5/2017, 18/6/2017 ghi tên nhân viên Hoàng Thị Vân A mã số NV 20.

Tại bản Kết luận giám định số 3992 ngày 19/10/2017 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát kết luận: Chữ viết, chữ số trên 26 trang sổ bán hàng từ A1-A13 so với chữ viết, chữ số của Hoàng Thị Vân A trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 –M11 là do cùng một người viết ra.

Vật chứng của vụ án: 01 phong bì niêm phong chứa 03 USB; 01 tập bản ảnh giám định; 11 hóa đơn; 01 tập giấy ghi sổ bán hàng gồm 26 trang; Bản kê hóa đơn bán hàng, Cơ quan điều tra đánh số bút lục 41, 44-49, 188-211, 240-332 trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Trong giai đoạn điều tra, Hoàng Thị Vân A đã tự nguyện giao nộp số tiền 29.150.000 đồng để bồi thường cho công ty N, công ty N đã nhận lại tiền và không còn yêu cầu, đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Hoàng Thị Vân A về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị Vân A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội vì bị cáo đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa, bị hại là Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ N do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty N đã nhận lại số tiền là 29.150.000 đồng do bị cáo Hoàng Thị Vân A chiếm đoạt của Công ty. Công ty N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Vân A phạm tội Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 65; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Hoàng Thị Vân A mức án từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hành sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về dân sự đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, tại phiên tòa bị hại không còn yêu cầu đề nghị gì nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp

[2] Lời khai của bị cáo Hoàng Thị Vân A tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định số 3992 ngày 19/10/2017 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát, phù hợp với vật chứng thu giữ băng ghi hình do Công ty N giao nộp và tập giấy ghi sổ bán hàng của Công ty N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hoàng Thị Vân A sau khi được giao quản lý quây bán vàng đã lợi dụng sự tin tưởng của Công ty để thực hiện hành vi sửa chữa hóa đơn, chứng từ để chiếm đoạt tiền. Với thủ đoạn nêu trên bị cáo đã thực hiện trót lọt nhiều lần hành vi chiếm đoạt tiền vào các ngày 14/2/2017, 08/3/2017, 15/3/2017, 05/5/2017, 15/5/2017, 25/5/2017 và 18/6/2017. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 29.150.000 đồng.

[3] Bị cáo Hoàng Thị Vân A đã thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm

2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi của bị cáo đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

[4] Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và quyết định hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm sự quy định tại các Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hoàng Thị Vân A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, sau khi ấn định mức hình phạt tù có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy bị cáo Hoàng Thị Vân A hiện nay không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 phong bì niêm phong chứa 03 USB; 01 tập bản ảnh giám định; 11 hóa đơn; 01 tập giấy ghi sổ bán hàng gồm 26 trang; Bản kê hóa đơn bán hàng, Cơ quan điều tra đánh số bút lục 41, 44-49, 188-211, 240-332 được giữ lại để lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Về dân sự: Bị cáo Hoàng Thị Vân A đã tự nguyện giao nộp số tiền 29.150.000 đồng để bồi thường cho bị hại là công ty N, công ty N đã nhận lại tiền và không còn yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Thị Vân A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: bị cáo Hoàng Thị Vân A 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo Hoàng Thị Vân A trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Thị Vân A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã K, huyện T;
- Ng-ời tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Sở t- pháp TP Hải Phòng;
- PV27 CA Hải Phòng;
- L- u VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

Nơi nhận:

- Tòa án nh
- Viện kiểm
- PV27 Côn
- Sở Tư phá
- Viện kiểm
- Cơ quan đ
- Cơ quan '
- T;
- Chi cục T
- UBND xã
- Bị cáo;

